

Bản án số: 51/2024/DS-ST  
Ngày 03-5-2024  
V/v “Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phú Hữu.
- Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2024/TLST-S, ngày 15 tháng 3 năm 2024, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2024/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Thanh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ E, khóm E, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thanh T1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số H, đường N, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (hợp đồng ủy quyền 06/3/2024).

- Bị đơn: Trần Văn N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số E, đường B, tổ A, khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T1 và ông N đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn là Huỳnh Thanh T, có chị Đặng Thị Thanh T1 là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2019 do công việc bận rộn nên anh T có nhờ ông Trần Văn N đi làm thủ tục giấy tờ đất cho anh T tổng cộng là 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ban đầu ông N đồng ý thực hiện, hai bên thống nhất tất cả các khoản phí, lệ

phí công chứng sẽ do ông N chịu, anh T sẽ chịu tiền thuế. Anh T2 đã đưa cho ông N 20.000.000 đồng để đi làm giấy tờ đất theo thỏa thuận.

Nhưng thời gian qua nhiều tháng ông N chưa làm xong giấy đất anh T2 nhiều lần gọi điện nhắc nhở và ông N đã làm xong 01 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất cho anh T2 xong và đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T2 thì ông N cho rằng rằng số tiền 20.000.000 đồng ông N đã dùng hết để làm giấy đất này. Vì phần lớn chi phí đều do anh T2 đóng, còn lệ phí, chi phí công chứng ông N chịu không đáng kể nên việc ông N cho rằng đã dùng đến 20.000.000 đồng cho 01 giấy chứng nhận QSDĐ là không hợp lý. Ông N không thể cung cấp biên lai, hóa đơn hay bất cứ chứng từ nào chứng minh nên anh T2 mất lòng tin đối với ông N. Khi anh T2 yêu cầu ông N trả lại số tiền 20.000.000 đồng để anh T2 tự đi làm giấy đất thì ông N không đồng ý và cũng không tiếp tục thực hiện công việc như đã thỏa thuận nên anh T2 và ông N không tiếp tục thực hiện công việc như thỏa thuận ban đầu nữa. Theo văn bản ý kiến ông N đồng ý trả cho anh T2 10.000.000 đồng, để vụ án được giải quyết nhanh chóng và để giữ mối quan hệ tình cảm cậu cháu. Nay anh Huỳnh Thanh T chỉ yêu cầu ông Trần Văn N trả số tiền là 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn là Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và gửi văn bản ý kiến trình bày:

Ông Trần Văn N thừa nhận có nhận số tiền 20.000.000 đồng của anh T để thực hiện thủ tục 01 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, 02 hồ sơ tặng cho QSDĐ, hai bên không thỏa thuận mỗi hồ sơ là bao nhiêu tiền, không thỏa thuận thời gian hoàn thành khi nào làm xong thôi, tất cả lệ phí, công chứng ông N chịu và ông N đã làm xong 01 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất nhưng anh T không hợp tác nữa nên ông N chỉ đồng ý trả lại cho anh T số tiền 10.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Theo đơn khởi, quá trình tố tụng đương sự trình bày cùng các tài liệu, chứng cứ thể hiện nguyên đơn là Huỳnh Thanh T yêu cầu bị đơn là Trần Văn N trả số tiền anh T đưa cho ông N để ông N thực hiện dịch vụ thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, tặng cho QSDĐ thay cho anh T nên xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dịch vụ theo quy định tại Điều 513 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là Trần Văn N có nơi cư trú tại số E, đường B, tổ A, khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất nhưng nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng tất cả những người tham gia tố tụng.

## **[2] Về nội dung:**

Anh **Huỳnh Thanh T** chỉ yêu cầu ông **Trần Văn N** trả số tiền là 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Ông **Trần Văn N** có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi văn bản ý kiến trình bày thừa nhận có nhận số tiền 20.000.000 đồng của anh **T** để thực hiện thủ tục 01 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, 02 hồ sơ tặng cho QSDĐ, hai bên không thỏa thuận mỗi hồ sơ là bao nhiêu tiền, không thỏa thuận thời gian hoàn thành khi nào làm xong thôi, tất cả lệ phí, công chứng ông **N** chịu và ông **N** đã làm xong 01 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất nhưng anh **T** không hợp tác nữa nên ông **N** chỉ đồng ý trả lại cho anh **T** số tiền 10.000.000 đồng.

### **[2.1] Về số tiền gốc:**

Anh **Huỳnh Thanh T** chỉ yêu cầu ông **Trần Văn N** trả số tiền là 10.000.000 đồng.

Xét thấy, Nguyên đơn là **Huỳnh Thanh T** yêu cầu ông **Trần Văn N** trả số tiền là 10.000.000 đồng. Bị đơn là **Trần Văn N** đồng ý trả lại cho anh **T** số tiền 10.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 513, Điều 519 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

### **[2.2] Về tiền lãi:** Không yêu cầu nên không xem xét.

**[3] Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn là **Trần Văn N** là người cao tuổi, là thương binh loại A thương tật hạng  $\frac{3}{4}$  (48% cụt 1/3 trên cẳng chân phải) và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 513, Điều 519 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Huỳnh Thanh T.**

Buộc ông **Trần Văn N** có nghĩa vụ phải trả cho anh **Huỳnh Thanh T** số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn là **Trần Văn N** được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh **Huỳnh Thanh T** tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000440, ngày 13/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**Phạm Thanh Hiền**